

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 29 tháng 12, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TPC	26/12/2025	13.5	570.000	59.647	9.56
2	PVI	26/12/2025	94.6	566.700	101.640	5.58
3	BWE	26/12/2025	42	555.300	119.770	4.64
4	PVB	26/12/2025	31.6	544.800	151.443	3.6
5	HPG	26/12/2025	26.9	94.035.000	28.898.290	3.25
6	AAS	26/12/2025	10.4	5.154.400	1.683.413	03.06
7	VHM	26/12/2025	110	16.551.200	5.587.324	2.96
8	VIC	26/12/2025	155	15.336.300	5.483.940	2.8
9	FTS	26/12/2025	34.35	3.033.200	1.086.073	2.79
10	HVH	26/12/2025	13.4	596.800	216.913	2.75
11	BMI	26/12/2025	17.4	948.300	367.870	2.58
12	GAS	26/12/2025	70.5	2.428.400	1.048.707	2.32
13	NTL	26/12/2025	18	1.735.600	759.407	2.29
14	STB	26/12/2025	57.5	17.485.500	7.976.184	2.19
15	DGC	26/12/2025	60.9	10.094.000	4.766.177	2.12
16	VRE	26/12/2025	32	20.927.400	10.266.050	02.04
17	G36	26/12/2025	9.3	683.400	347.673	1.97
18	HDC	26/12/2025	22.8	4.164.500	2.198.460	1.89
19	NLG	26/12/2025	30.1	3.345.900	1.798.460	1.86
20	BSR	26/12/2025	16.25	11.687.700	6.419.037	1.82
21	AGG	26/12/2025	14.45	578.100	321.210	1.8
22	VPB	26/12/2025	28.15	27.183.600	15.495.030	1.75
23	SHB	26/12/2025	16.35	108.127.104	64.122.608	1.69
24	DCM	26/12/2025	31.8	2.252.100	1.340.083	1.68
25	DSE	26/12/2025	26.35	514.100	305.753	1.68
26	HHS	26/12/2025	13.5	2409300	1437053	1.68
27	KSB	26/12/2025	17.6	1937800	1169953	1.66
28	DPG	26/12/2025	38.5	899800	547173	1.64
29	HSG	26/12/2025	16.5	4457400	2730040	1.63



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAS	26/12/2025	10.4	3.202.990	68.02	10.08	3.22	-0.29	0.16
2	ACB	26/12/2025	23.9	7.505.770	43.05	23.45	1.9	-0.38	0.07
3	AGR	26/12/2025	16.45	949.660	57.42	16.11	02.08	-0.1	-0.21
4	BID	26/12/2025	38.8	2.368.340	59.71	37.79	2.68	-0.14	-0.34
5	C4G	26/12/2025	8.6	1.629.410	49.14	8.46	1.65	-0.04	0.11
6	CRE	26/12/2025	9	727.850	47.47	08.09	01.08	-0.22	0.39
7	CTS	26/12/2025	33.8	780.600	43.97	32.98	2.48	-1.14	0.38
8	GEX	26/12/2025	42.75	9.754.690	45.88	41.72	2.47	-2.05	1.87
9	HNG	26/12/2025	6.2	2.393.910	63.8	6.17	0.49	0	0.04
10	LCG	26/12/2025	10.25	2.173.320	45.22	10.02	2.27	-0.13	0.09
11	MSN	26/12/2025	75.3	4.084.140	43.09	73.74	2.12	-1.19	1.51
12	NKG	26/12/2025	15.3	3.288.960	44.8	15.19	0.71	-0.34	0.09
13	NTL	26/12/2025	18	1.080.610	66.18	16.92	6.37	-0.08	-0.25
14	OCB	26/12/2025	12.05	1.549.360	44.96	11.5	4.77	-0.2	0.21
15	PC1	26/12/2025	21.75	2.518.150	48.57	20.87	4.2	-0.08	0.04
16	PLX	26/12/2025	35.55	1.737.560	58.39	35.54	0.02	0.16	-0.37
17	PVT	26/12/2025	18.5	2.346.570	52.4	17.81	3.89	0.07	-0.29
18	SAB	26/12/2025	48.75	1.333.140	47.22	46.86	04.03	0.45	0.66
19	SHI	26/12/2025	14.9	522.840	44.28	14.4	3.5	0.13	-0.01
20	TCB	26/12/2025	33.9	11.255.570	48.58	33.11	2.39	-0.76	0.55
21	TIG	26/12/2025	8.4	897.250	61.43	8.29	1.29	0.04	-0.38
22	VIX	26/12/2025	22.8	37.858.752	42.34	22.52	1.24	-1.83	1.18
23	VND	26/12/2025	20	19.088.850	56.86	18.95	5.52	-0.51	0.49

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	GAS	70.5	70.9	1.373.960

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BAF	37.5	37.1	3.909.080
2	PNJ	95.9	95.8	604.590
3	POM	5.5	4.8	2167010
4	POW	12.8	12.8	6.696.050

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BMC	15.1	14.3	18.470
2	BTP	8.95	8.95	35.180
3	C32	11.25	10.9	96.140
4	CKG	10.3	10.2	40.330
5	CNG	23.7	23.7	10.270
6	CST	12.7	11.8	30.120
7	CSV	26.09	26.6	379.060
8	DGC	60.9	60.1	10.574.830
9	HVT	28.2	28	17.400
10	LAI	14.4	13.31	25.780
11	NBB	19	18.3	45.990
12	PDV	9.88	9.34	35.210
13	TSB	26.5	25	23.850
14	VPG	5	4.98	238.710

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ACV	49.7	49.5	946.480
2	BCM	59.6	58.5	216.760
3	BMI	17.4	17.05	265.620
4	BWE	42	42	194.990
5	C32	11.25	10.9	96.140
6	CKG	10.3	10.2	40.330
7	CMG	34.9	34.1	199.850
8	CST	12.7	11.8	30.120
9	CSV	26.9	26.6	379.060
10	DCM	31.8	31.2	1.122.630
11	DGC	60.9	60.1	10.574.830
12	DPG	38.5	37.6	487.680
13	DRC	14.55	14.4	203.850
14	DTD	16.2	16	164.710
15	HDC	22.8	22.4	2.770.950
16	HDG	27.6	26.5	1.833.520
17	ICT	17.9	17.35	74.810
18	KSV	88.8	83.9	48.550
19	L14	28.7	28.5	62.850
20	LAI	14.4	14	25.780
21	LAS	15.06	15.2	194.760
22	LPB	41.5	41.25	2.971.250
23	NBB	19	18.3	45.990
24	NHA	16.4	16.1	106.670
25	NLG	30.1	29.75	2.121.090
26	PAT	75.9	74.1	242.610
27	SZC	28.9	28.3	262.640
28	TCM	26.5	26.1	1.132.230



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CRE	9	08.09	727.850
2	HNG	6.2	6.17	2.393.910
3	NKG	15.3	15.19	3288960
4	PLX	35.55	35.54	1.737.560

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HPG	26.9	26.61	34.956.552
2	KLB	16.5	16.43	583.010
3	PVT	18.5	18.42	2346570

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	HPG	26.9	26.7	34.956.552
2	KLB	16.5	16.1	583.010
3	VCI	35.6	35.51	8767690



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	FCN	14.8	15.05	1.441.700
2	FIT	4.66	4.68	1.789.750
3	HDG	27.6	27.68	1833520
4	HPX	4.72	4.72	1.187.020
5	VCG	22.9	23.22	4.294.770

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BGE	4.9	4.98	617.110
2	FCN	14.8	15.15	1.441.700
3	FIT	4.66	4.79	1789750
4	HID	6.33	6.33	1.760.850
5	HII	6.1	6.17	610.450
6	QCG	14.1	14.24	2.142.600
7	SHB	16.35	16.43	67.844.472
8	TTF	3	3.12	3.320.090

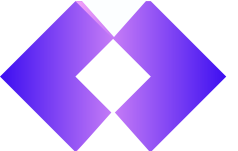
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACM	0.5	0.58	504.030
2	BCR	1.6	1.71	2.310.030
3	C4G	8.6	8.63	1629410
4	DBC	27.55	27.72	6.486.380
5	EIB	21.55	21.96	6.431.970
7	PAN	27.8	28.01	563020
8	SHB	16.35	16.47	67844472
9	SHS	21.1	21.21	15554540
10	VPL	92.1	96	1502700
11	VRE	32	32.04	11668150
12	YEG	12.45	12.62	2442210



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	26/12/2025	46.2	45.3	46.6	2.9	18.560
2	CHP	26/12/2025	29.04	29.2	30.04	2.9	18.500
3	SJD	26/12/2025	14.05	13.9	14.35	3.2	35.160
4	CLL	26/12/2025	30.45	30.25	31.25	3.3	5.360
5	TCL	26/12/2025	34.3	33.3	34.85	4.7	18.740
6	DSN	26/12/2025	44.75	42.95	45.05	4.9	8.960
7	RAL	26/12/2025	93	90.5	95.4	5.4	8.180
8	HNM	26/12/2025	8	7.9	8.4	6.3	230.600
9	TDT	26/12/2025	6.7	6.4	6.8	6.3	39.500
10	FOC	26/12/2025	63.6	63.2	67.5	6.8	10.600
11	DVP	26/12/2025	67.3	67.2	72	7.1	12.880
12	CLX	26/12/2025	15.6	15.3	16.4	7.2	66.900
13	PPC	26/12/2025	9.82	9.6	10.3	7.3	188.200
14	QTP	26/12/2025	12.4	12.3	13.2	7.3	164.680
15	GDT	26/12/2025	20.85	20	21.45	7.3	17.900
16	NED	26/12/2025	6.7	6.5	7	7.7	6.660
17	HTG	26/12/2025	42.65	41.81	45.12	7.9	6.880
18	TLD	26/12/2025	8.23	7.9	8.54	8.1	400.940
19	SCG	26/12/2025	65.1	62.1	67.2	8.2	22.440
20	GHC	26/12/2025	28.6	28.2	30.5	8.2	13.680
21	TIP	26/12/2025	18.05	17.69	19.17	8.4	21500
22	HMC	26/12/2025	11.8	11.25	12.2	8.4	11300
23	SGN	26/12/2025	59.2	58.9	63.91	8.5	8440
24	OPC	26/12/2025	22.25	21.1	22.9	8.5	6400
25	PGC	26/12/2025	13.35	12.75	13.85	8.6	36860
26	TCW	26/12/2025	31.9	30.4	33.1	8.9	7920
27	NAB	26/12/2025	14.2	13.95	15.2	9	1246780
28	CSI	26/12/2025	27.1	26.6	29	9	4060
29	PVP	26/12/2025	13.9	13.56	14.8	9.1	61320



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009